

UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2066 /SGD&ĐT-TrH
V/v hướng dẫn thực hiện nội dung
BDTX 2 dành cho CBQL, GV cấp
THCS, THPT năm học 2019-2020.

Hòa Bình, ngày 16 tháng 9 năm 2019

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Trung tâm KTTH, HN – NN, TH;
- Các trường Trung học phổ thông;
- Các trường PT DTNT THCS&THPT;
- Các trường PT DTNT THCS.

Căn cứ Kế hoạch số 1686/SGD&ĐT-TrH ngày 08/8/2019 của Sở GD&ĐT về việc Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên Trung học năm học 2019 - 2020, Sở GD&ĐT hướng dẫn thực hiện nội dung bồi dưỡng thường xuyên 2 dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS, THPT năm học 2019 - 2020, cụ thể như sau:

1. Nội dung

Nội dung bồi dưỡng thường xuyên 2 gồm: Kiến thức các môn học trong chương trình cấp THCS, THPT; nội dung về công tác quản lý trong trường trung học (*Nội dung chi tiết đính kèm công văn*).

2. Đối tượng thực hiện

Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên các trường THCS, THPT, PT DTNT THCS&THPT, PT DTNT THCS, Trung tâm KTTH, HN – NN, TH tỉnh thực hiện trong năm học 2019 - 2020.

Sở GD&ĐT yêu cầu các đơn vị triển khai nội dung bồi dưỡng thường xuyên 2 dành cho cán bộ quản lý, giáo viên trung học năm học 2019 - 2020 đến tất cả cán bộ, giáo viên của đơn vị theo hướng dẫn tại công văn này. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Website ngành;
- Lưu VT, TrH (TK06).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Thị Hương



NỘI DUNG BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN 2

Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên THCS, THPT năm học 2019 - 2020

(Kèm theo Công văn số: 3066 /SGD&ĐT-TrH ngày 16 /9/2019)

NỘI DUNG BDTX 2 (75 tiết/môn)		
Môn	Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS	Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THPT
1. Toán	<p>I. Đại số:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương I. Căn bậc hai, căn bậc ba 2. Chương II. Hàm số bậc nhất 3. Chương III. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. 4. Chương IV. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Phương trình bậc hai một ẩn. <p>II. Hình học:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương I. Hệ thức lượng trong tam giác vuông. 2. Chương II. Đường tròn. 3. Chương III. Góc với đường tròn (Bỏ nội dung kiến thức ở bài 9, bài 10). 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hàm số, đồ thị 2. Phương trình, bất phương trình, hệ phương trình (có chứa căn thức, lượng giác, mũ, logarit) 3. Hình học không gian 4. Bất đẳng thức, cực trị. 5. Tổ hợp, xác suất, nhị thức Newton. 6. Hàm số mũ, hàm số logarit. 7. Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.
2. Vật lí	<ol style="list-style-type: none"> 1. Định luật ôm cho đoạn mạch nối tiếp, song song và mạch hỗn hợp; Bài tập về công, công suất của dòng điện, định luật Jun-lenxo 2. Động học: Chuyển động cơ học. 3. Công thức tính nhiệt lượng, phương trình cân bằng nhiệt. 4. Quang học: Thấu kính; gương phẳng; mắt, mắt cận và mắt lão. 	<p>I. Lớp 10</p> <p>Chương 1: Động học chất điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 2: Chuyển động thẳng đều. - Bài 3: Chuyển động thẳng biến đổi đều. - Bài 4: Sự rơi tự do. - Bài 5: Chuyển động tròn đều. - Bài 6: Tính tương đối của chuyển động. Công thức cộng vận tốc. <p>II. Lớp 11</p> <p>Chương 2: Dòng điện không đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 7: Dòng điện không đổi. Nguồn điện. - Bài 8: Điện năng. Công suất điện. - Bài 9: Định luật ôm đối với toàn mạch. - Bài 10: Đoạn mạch chứa nguồn điện. Ghép nguồn điện thành bộ. - Bài 11: Phương pháp giải một số bài toán về toàn mạch. <p>III. Lớp 12</p> <p>1. Chương 1: Dao động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 1: Dao động điều hòa. - Bài 2: Con lắc lò xo. - Bài 3: Con lắc đơn. - Bài 5: Tổng hợp hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số. Phương pháp giản đồ Frenen <p>2. Chương 3: Dòng điện xoay chiều</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 14: Mạch có R, L, C mắc nối tiếp. - Bài 15: Công suất tiêu thụ của mạch điện xoay chiều. Hệ số công suất. <p>3. Chương 4: Dao động và sóng điện từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 20: Mạch dao động.

		<ul style="list-style-type: none"> - Bài 22: Sóng điện từ. 4. Chương 5: Sóng ánh sáng - Bài 25: Giao thoa ánh sáng. - Bài 27: Tia hồng ngoại và tia tử ngoại. - Bài 28: Tia X.
--	--	--

3. Môn Hóa

a. Cấp THCS (Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS)

Chuyên đề	Lý thuyết	Các dạng bài tập tham khảo
Hợp chất vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất hóa học của: oxit, axit, bazơ, muối; - Điều chế các hợp chất vô cơ; - Tính chất hóa học và điều chế một số hợp chất: CaO, SO₂, H₂SO₄, NaOH, Ca(OH)₂,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hoàn thành sơ đồ phản ứng; - Bài tập nêu và giải thích hiện tượng hóa học; - Bài tập điều chế, nhận biết, tách các chất; - Bài tập oxit axit (CO₂, SO₂) phản ứng với dung dịch chứa 1 kiềm; - Bài tập về nồng độ dung dịch; - Bài tập định lượng về hỗn hợp.
Kim loại	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất hóa học chung của kim loại, dãy hoạt động hóa học của kim loại; - Phương pháp điều chế 1 số kim loại thông dụng; - Tính chất hóa học của Al, Fe; sản xuất Al; 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập hoàn thành sơ đồ phản ứng; - Bài tập nêu và giải thích hiện tượng hóa học; - Bài tập điều chế, nhận biết, tách các chất; - Bài tập định lượng về hỗn hợp kim loại. - Bài tập muối nhôm tác dụng với dung dịch kiềm; - Bài tập về lượng dư; - Bài tập có hiệu suất.
Phản ứng oxi hóa – khử	<ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng phản ứng oxi hóa - khử theo phương pháp thăng bằng electron. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập cân bằng phản ứng oxi hóa – khử theo phương pháp thăng bằng electron. - Bài tập kim loại tác dụng với axit H₂SO₄ đặc, axit HNO₃, áp dụng định luật bảo toàn electron khi biết sản phẩm khử.
Hóa học hữu cơ		<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập sơ đồ phản ứng hữu cơ. - Bài tập xác định công thức hóa học của Hợp chất hữu cơ dựa vào phản ứng đốt cháy. - Bài tập về hidro cacbon.

b. Cấp THPT (Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THPT)

Chuyên đề	Lý thuyết	Dạng toán trọng tâm
Hữu cơ	<p>Xác định công thức cấu tạo chất hữu cơ dựa vào các phản ứng đặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Chuyên đề 1:</i> Những chất có phản ứng cộng: H₂, Br₂ - <i>Chuyên đề 2:</i> Những chất có phản ứng với AgNO₃/NH₃ - <i>Chuyên đề 3:</i> Những chất phản ứng với NaOH. - <i>Chuyên đề 4:</i> Những chất có phản ứng thủy phân. - <i>Chuyên đề 5:</i> Những chất có phản ứng với dung dịch HCl, dung dịch NaOH. - <i>Chuyên đề 6:</i> Sơ đồ phản ứng hữu cơ. - <i>Chuyên đề 7:</i> Những chất làm quỳ tím chuyển sang màu xanh, màu đỏ, không 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Chuyên đề 1:</i> Bài toán về ancol. - <i>Chuyên đề 2:</i> Bài toán về andehit. - <i>Chuyên đề 3:</i> Bài toán về axit. - <i>Chuyên đề 4:</i> Bài toán về este. - <i>Chuyên đề 5:</i> Bài toán tổng hợp. - <i>Chuyên đề 6:</i> Bài toán về amin, amino axit, pectin. - <i>Chuyên đề 7:</i> Bài toán về các hợp chất gluxit

	đổi màu - <i>Chuyên đề 8</i> : Phản ứng trùng hợp-Trùng ngưng- polime. - <i>Chuyên đề 9</i> : Những chất phản ứng với Na. - <i>Chuyên đề 10</i> : Những chất phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$	
Vô cơ	- <i>Chuyên đề 1</i> : Xác định chiều hướng của phản ứng oxi hóa-khử, phản ứng điện phân. - <i>Chuyên đề 2</i> : Phản ứng xảy ra trong dung dịch. - <i>Chuyên đề 3</i> : Sơ đồ phản ứng về kim loại và hợp chất.	- <i>Chuyên đề 1</i> : Bài toán đồ thị cơ bản và nâng cao về: + CO_2 tác dụng với dung dịch kiềm, hỗn hợp dung dịch kiềm. + Bài toán muối AlO_2^- tác dụng với H^+ và muối CO_3^{2-} , HCO_3^- tác dụng H^+ + OH^- tác dụng với dung dịch axit, muối nhôm Al^{3+} , Fe^{3+} , ... - <i>Chuyên đề 2</i> : Chất vô cơ tác dụng với ion NO_3^- trong môi trường axit. - <i>Chuyên đề 3</i> : Bài toán điện phân với điện cực trơ. - <i>Chuyên đề 4</i> : Bài tập kim loại và hợp chất của kim loại tác dụng với nước, tác dụng với bazơ kiềm

Yêu cầu :

1. Giáo viên ôn tập theo nội dung các chuyên đề.
2. Nhóm giáo viên bộ môn Hóa các trường tự chọn 05 chuyên đề trong đó có 03 chuyên đề lí thuyết, 02 chuyên đề bài tập, xây dựng ngân hàng câu hỏi theo các chuyên đề trên. Số lượng câu hỏi cho mỗi chuyên đề lí thuyết là 20 câu có đáp án (tô màu), số lượng câu hỏi cho mỗi chuyên đề bài tập là 10 câu có đáp án chi tiết theo phương pháp giải nhanh.
3. Các câu hỏi ở mỗi chuyên đề theo các cấp độ kiến thức bám sát nội dung thi THPT Quốc gia là nội dung thảo luận, trình bày trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của trường và trong các buổi tập huấn do Sở tổ chức.

Môn	NỘI DUNG BDTX 2 (75 tiết/môn)	
	Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THCS	Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp THPT
4. Sinh học	I. LÝ THUYẾT <i>Phần I – DI TRUYỀN PHÂN TỬ VÀ BIẾN DỊ</i> 1. Các quy luật di truyền 1.1. Các quy luật di truyền Mendel 1.2. Quy luật di truyền giới tính và DT liên kết với giới tính 1.3. Quy luật di truyền liên kết 2. Nhiễm sắc thể (NST) 2.1. Đại cương về NST 2.2. Quá trình nguyên phân, giảm phân, phát sinh giao tử và thụ tinh. 3. ADN và gen 3.1. ADN - Cấu tạo hóa học và cấu trúc không gian của ADN	I. LÝ THUYẾT 1.1. Di truyền học - Cơ chế hiện tượng di truyền và biến dị: Tự nhân đôi của ADN, khái niệm gen và mã di truyền. Sinh tổng hợp prôtêin (cơ chế phiên mã và cơ chế dịch mã ở sinh vật nhân sơ). Đột biến gen; Đột biến nhiễm sắc thể (đột biến cấu trúc và số lượng). - Tính quy luật của hiện tượng di truyền: Các quy luật Mendel; Di truyền liên kết hoàn toàn và không hoàn toàn; Di truyền liên kết với giới tính; Tương tác gen; Ảnh hưởng của môi trường ngoài đến sự biểu hiện của gen. - Di truyền học quần thể: Cấu trúc di

<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của ADN - Cơ chế tự nhân đôi của ADN <p>3.2. ARN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc và chức năng của các loại ARN - Mối quan hệ giữa ARN và gen. <p>3.3. Prôtêin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc và chức năng của Prôtêin - Mối quan hệ giữa gen và tính trạng. <p>3.4. Đột biến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đột biến gen - Đột biến NST (Cấu trúc và số lượng). - Thường biến. <p>5. Di truyền học người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp nghiên cứu di truyền học người - Bệnh và tật di truyền ở người - Di truyền y học với con người <p><i>Phần II – SINH THÁI HỌC</i></p> <p>1. Sinh vật và môi trường</p> <p>1.1. Môi trường và các nhân tố sinh thái</p> <p>1.2. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm) lên đời sống sinh vật</p> <p>1.3. Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật</p> <p>2. Hệ sinh thái</p> <p>2.1. Quần thể sinh vật</p> <p>2.2. Quần xã sinh vật</p> <p>2.3. Hệ sinh thái</p> <p>II. BÀI TẬP</p> <p>1. Bài tập về cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử (ADN)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tập liên quan đến nguyên tắc bổ sung trong cấu tạo ADN, ARN và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử. <p>2. Bài tập về cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ tế bào.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định số lượng nhiễm sắc thể đơn, kép trong quá trình phân bào. - Tính số lượng NST đơn mới cung cấp cho quá trình phân bào. - Tính toán số tinh trùng và trứng tạo thành khi kết thúc giảm phân. - Tính toán số hợp tử, số tế bào con tạo thành. <p>3. Bài tập về các quy luật di truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di truyền Mendel: Lai một cặp tính trạng; Lai hai và nhiều cặp tính trạng. - Di truyền liên kết gen. - Di truyền giới tính, di truyền liên kết với giới tính - Di truyền phá hệ, di truyền nhóm máu - Bài tập liên quan đến xác suất trong quy luật di truyền. <p>4. Bài tập về đột biến gen</p>	<p>truyền quần thể. Trạng thái cân bằng di truyền quần thể ngẫu phối.</p> <p>1.2. Chuyển hóa vật chất và năng lượng ở thực vật và động vật.</p> <p>1.3. Nhiễm sắc thể; Chu kì tế bào, các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.</p> <p>2. BÀI TẬP</p> <p>2.1. Bài tập về cơ sở vật chất và cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử (ADN)</p> <p>2.2. Bài tập về các quy luật di truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di truyền Mendel: Lai một cặp tính trạng; Lai hai và nhiều cặp tính trạng. - Di truyền liên kết và hoán vị gen. - Tương tác gen; - Di truyền liên kết với giới tính - Di truyền phá hệ, di truyền nhóm máu - Di truyền quần thể. - Bài tập liên quan đến xác suất trong quy luật di truyền. <p>2.3. Bài tập về đột biến gen</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định dạng đột biến. - Bài tập liên quan đến nguyên tắc bổ sung. <p>2.4. Bài tập về đột biến nhiễm sắc thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định số lượng nhiễm sắc thể. - Xác định các dạng của đột biến cấu trúc và đột biến số lượng NST. <p>2.5. Bài tập về các quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.</p>
--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định dạng đột biến. - Bài tập liên quan đến nguyên tắc bổ sung. <p>5. Bài tập về đột biến nhiễm sắc thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định số lượng nhiễm sắc thể. - Xác định các dạng của đột biến cấu trúc và đột biến số lượng NST. <p>6. Bài tập phân sinh thái học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái vô sinh (nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm) lên đời sống sinh vật - Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật - Bài tập về chuỗi và lưới thức ăn. 	
5. Tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ lập trình Pascal giải các bài toán cấp THCS, khuyến khích sử dụng kiến thức có liên quan đến các môn học khác trong chương trình SGK cấp THCS. - Khuyến khích tổ chức cho giáo viên làm bài thi trên máy tính. - Các trường PT DTNT THCS & THPT khi đăng ký dự thi cần đăng ký rõ thi ở cấp THCS hay thi ở cấp THPT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ lập trình Pascal theo kiến thức sách giáo khoa lớp 11 môn Tin học đã được giảm tải. <ul style="list-style-type: none"> + Cấu trúc rẽ nhánh + Cấu trúc lặp + Kiểu mảng 1 chiều + Xâu kí tự - Hình thức thi: Lập trình trên máy tính
6. Ngữ văn	<p>1. Văn bản Gồm các văn bản sau: <i>Đông chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Bếp lửa, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, Ánh trăng, Con cò, Mùa xuân nho nhỏ, Sang thu, Nói với con, Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Những ngôi sao xa xôi.</i></p> <p>2. Tập làm văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị luận xã hội: Nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. - Nghị luận văn học: nghị luận về đoạn trích, tác phẩm văn xuôi; nghị luận về đoạn thơ, bài thơ; nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn học. <p>3. Tiếng Việt Các biện pháp tu từ.</p>	<p>1. Chương trình ngữ văn lớp 10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài: <i>Tổng quan văn học Việt Nam</i> (chú ý phần con người Việt Nam qua văn học) - Bài: <i>Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX</i> (chú ý phần những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật) <p>2. Chương trình Ngữ văn 12 Các tác phẩm văn học trong chương trình cơ bản Ngữ văn 12 (trừ bài đọc thêm).</p>
7. Lịch sử	<p>A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI</p> <p>I. Lịch sử thế giới trung đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở châu Âu - Sự suy vong của chế độ phong kiến và sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu - Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á thời phong kiến - Những nét chung về xã hội phong kiến <p>II. Lịch sử thế giới hiện đại (Phần từ năm 1945 đến nay)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX - Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh từ năm 	<p>A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI</p> <p>I. Lịch sử thế giới hiện đại 1917- 2000</p> <ul style="list-style-type: none"> - CM tháng Mười Nga 1917 và công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô 1921-1941 - Các nước Tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 1918-1939 - Chiến tranh thế giới thứ hai 1939-1945 - Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai và Liên hợp quốc. - Các nước Đông Bắc á - Các nước Đông Nam Á

	<p>1945 đến nay</p> <p>B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM</p> <p>I. Đại Việt ở các thế kỉ XVI - XVIII</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự suy yếu của nhà nước phong kiến tập quyền (thế kỉ XVI - XVIII) - Kinh tế, văn hóa thế kỉ XVI - XVIII - Phong trào Tây Sơn <p>II. Việt Nam trong những năm 1919 - 1930</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình khai thác thuộc địa Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp - Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 - 1930 - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh - Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản. - Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh. - Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX. <p>B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM</p> <p>I. Việt Nam từ 1918 – 1945</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong trào dân tộc – dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 – 1925. - Phong trào dân tộc – dân chủ ở Việt Nam từ 1925 – 1930. - Phong trào cách mạng 1930 – 1935. - Phong trào dân chủ 1936-1939. - Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. <p>II. Việt Nam 1945- 1954</p> <p>III. Việt Nam 1954-2000</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam từ 1954 -1975 - Việt Nam từ 1975-2000
<p>8. Địa lí</p>	<p>1. Thiên nhiên, con người ở Châu Á.</p> <p>2. Địa lí Tự nhiên Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí, giới hạn, hình dạng lãnh thổ. - Vùng biển Việt Nam. - Đặc điểm chung của Tự nhiên Việt Nam. - Đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn. <p>3 Địa lí Dân cư Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số và gia tăng dân số. - Phân bố dân cư. - Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống. <p>4. Địa lí Kinh tế Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa lí Nông nghiệp: các nhân tố ảnh hưởng; sự phát triển và phân bố. - Địa lí Công nghiệp: các nhân tố ảnh hưởng; sự phát triển và phân bố. - Địa lí các vùng kinh tế (trừ vùng Bắc Trung Bộ, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ). <p>5. Kỹ năng Địa lí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu đồ: nhận xét, giải thích. - Bảng số liệu: nhận xét, giải thích. - Các kĩ năng tính toán, xử lí số liệu: tính mật độ dân số, tính năng suất, tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tính cán cân xuất nhập khẩu... - Khai thác Atlas Địa lí Việt Nam. 	<p>1. Khái quát nền kinh tế - xã hội thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tương phản trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. - Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế. - Một số vấn đề mang tính toàn cầu. <p>2. Địa lí khu vực và quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc). - Khu vực Đông Nam Á. <p>3. Địa lí Tự nhiên Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. - Đặc điểm chung của tự nhiên. - Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên. <p>4. Địa lí Dân cư Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta. - Lao động và việc làm. - Đô thị hóa. <p>5. Địa lí kinh tế Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp. - Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp. - Địa lí các vùng kinh tế. <p>6. Kỹ năng Địa lí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu đồ: nhận xét, giải thích. - Bảng số liệu: nhận xét, giải thích.

		<p>- Các kĩ năng tính toán, xử lí số liệu: tính mật độ dân số, tính năng suất, tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tính cán cân xuất nhập khẩu...</p> <p>- Khai thác Atlas Địa lí Việt Nam.</p>
<p>9. Giáo dục Công dân</p>	<p>Phần I. GDCD lớp 8 <i>*Phần Đạo đức:</i> gồm các bài: 1, 2, 4, 6, 11 - Bài 1: Tôn trọng lẽ phải. - Bài 2: Liêm khiết. - Bài 4: Giữ chữ tín. - Bài 6: Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh. - Bài 11: Lao động tự giác và sáng tạo <i>*Phần Pháp luật:</i> gồm các bài: 13, 15, 16, 17. - Bài 13: Phòng, chống tệ nạn xã hội. - Bài 15: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Bài 16: Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác. - Bài 17: Nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản nhà nước và lợi ích công cộng.</p> <p>Phần II. GDCD lớp 9 <i>* Phần Đạo đức:</i> gồm các bài: 4, 5, 9. - Bài 4: Bảo vệ hoà bình. - Bài 5: Tinh hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. - Bài 9: Làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả. <i>* Phần Pháp luật:</i> gồm các bài: 15, 17, 18. - Bài 15: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý của công dân. - Bài 17: Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - Bài 18: Sống có đạo đức và tuân theo pháp luật.</p>	<p>1. Lớp 10. - Phần công dân với đạo đức từ bài 10 đến bài 15 bao gồm: Bài 10: Quan niệm về đạo đức. Bài 11: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học Bài 12: Công dân với tình yêu hôn nhân và gia đình. Bài 13: Công dân với cộng đồng. Bài 14: Công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài 15: Công dân với một số vấn đề cấp thiết của nhân loại.</p> <p>2. Lớp 11. - Phần công dân với kinh tế từ bài 1 đến bài 7 bao gồm : Bài 1: Công dân với sự phát triển kinh tế. Bài 2: Hàng hóa - Tiền tệ - Thị trường. Bài 3: Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Bài 4: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Bài 5: Cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. Bài 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bài 7: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lí kinh tế của nhà nước. - Phần công dân với các vấn đề chính trị xã hội từ bài 11 đến bài 15 bao gồm: Bài 1: Chính sách dân số và giải quyết việc làm. Bài 12: Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường. Bài 13: Chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa. Bài 14: Chính sách quốc phòng và an ninh. Bài 15: Chính sách đối ngoại.</p> <p>3. Lớp 12. - Từ bài 1 đến bài 9 bao gồm: Bài 1: Pháp luật và đời sống. Bài 2: Thực hiện pháp luật. Bài 3: Công dân bình đẳng trước pháp luật. Bài 4: Quyền bình đẳng của công dân</p>

		<p>trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.</p> <p>Bài 5: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.</p> <p>Bài 6: Công dân với các quyền tự do cơ bản.</p> <p>Bài 7: Công dân với các quyền dân chủ.</p> <p>Bài 8: Pháp luật với sự phát triển của công dân.</p> <p>Bài 9: Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước.</p>
10. Tiếng Anh	<p>I. Ngữ âm</p> <p>- Sound and stress – giới hạn các từ trong chương trình SGK từ lớp 6 đến lớp 9 (chương trình cũ và chương trình thí điểm).</p> <p>II. Từ vựng – ngữ pháp</p> <p>- Từ vựng: Các từ thuộc chương trình SGK.</p> <p>- Ngữ pháp:</p> <p>+ Thì của động từ trong các cấu trúc ngữ pháp</p> <p>+ Câu gián tiếp</p> <p>+ Mệnh đề quan hệ</p> <p>+ Câu bị động</p> <p>+ Câu điều kiện</p> <p>+ Cụm động từ</p> <p>+ Câu giả định</p> <p>+ Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ</p> <p>+ Đảo ngữ</p> <p>+ So sánh</p> <p>+ Liên từ, giới từ, mạo từ</p> <p>+ Từ đồng nghĩa, trái nghĩa</p> <p>+ Các cấu trúc đặc biệt khác</p> <p>+ Câu giao tiếp</p> <p>- Dạng bài tập</p> <p>+ MCQ</p> <p>III. Đọc hiểu</p> <p>- Các chủ đề bài học liên quan đến chương trình SGK.</p> <p>- Dạng bài: Reading comprehension, closed test, gap filling.</p> <p>IV. Viết</p> <p>- Xác định và sửa lỗi sai trong câu hoặc đoạn văn.</p> <p>- Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi.</p> <p>- Viết luận theo chủ đề (200 đến 250 từ).</p>	<p>I. Ngữ âm</p> <p>- Sound and stress – giới hạn các từ trong chương trình SGK lớp 10, 11, 12 (chương trình cũ và chương trình thí điểm).</p> <p>II. Từ vựng – ngữ pháp</p> <p>- Từ vựng: Các từ thuộc chương trình SGK lớp 10, 11, 12</p> <p>- Ngữ pháp:</p> <p>+ Thì của động từ trong các cấu trúc ngữ pháp</p> <p>+ Câu gián tiếp</p> <p>+ Mệnh đề quan hệ</p> <p>+ Câu bị động</p> <p>+ Câu điều kiện</p> <p>+ Cụm động từ</p> <p>+ Câu giả định</p> <p>+ Sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ</p> <p>+ So sánh</p> <p>+ Đảo ngữ</p> <p>+ Liên từ, giới từ, mạo từ</p> <p>+ Từ đồng nghĩa, trái nghĩa</p> <p>+ Các cấu trúc đặc biệt khác</p> <p>+ Câu giao tiếp</p> <p>- Dạng bài tập</p> <p>+ MCQ</p> <p>III. Đọc hiểu</p> <p>- Các chủ đề bài học liên quan đến chương trình SGK.</p> <p>- Dạng bài: Reading comprehension, closed test, gap filling.</p> <p>IV. Viết</p> <p>- Xác định và sửa lỗi sai trong câu hoặc đoạn văn.</p> <p>- Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi.</p> <p>- Viết luận theo chủ đề lớp 10, 11, 12 (250 từ).</p>
11. Tiếng Pháp		<p>* Từ vựng – ngữ pháp</p> <p>- SGK 10 Từ bài 9 đến bài 12</p> <p>- SGK 11 Từ bài 5 đến bài 8</p> <p>- SGK 12 Từ bài 1 đến bài 4</p> <p>* Kỹ năng nói – viết</p> <p>- SGK 10 từ bài 5 đến bài 8</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - SGK 11 từ bài 1 đến bài 4 - SGK 12 từ bài 9 đến bài 12
12. Tiếng Nga		<ul style="list-style-type: none"> * Kỹ năng nói- viết - SGK 10: Bài 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 - SGK 11: Bài 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29 - SGK 12: Bài 1, 2, 3, 4, 5 * Kỹ năng đọc hiểu - nghe hiểu (theo chủ đề SGK của cấp học)
13. Tiếng Trung Quốc		<ul style="list-style-type: none"> * Từ vựng – ngữ pháp - SGK 10 từ bài 1 đến bài 6 - SGK 11 từ bài 9 đến bài 15 - SGK 12 từ bài 13 đến bài 19 * Kỹ năng nói – viết - SGK 10 bài 2, 3, 5, 6, 7 - SGK 11 bài 1, 6, 11, 14, 18 - SGK 12 bài 2, 5, 9, 15, 19
14. Công nghệ	<p>1. Công nghệ Công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Lớp 8 - Phần Kỹ thuật điện: + Vai trò của điện năng. + An toàn điện + Đặc điểm và cấu tạo của mạng điện trong nhà - Chương VII: Đồ dùng điện gia đình * Lớp 9: Lắp đặt mạng điện trong nhà <p>2. Công nghệ Nông nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp 7: Phần Lâm Nghiệp - Lớp 9: Phần trồng cây ăn quả. 	<p>1. Công nghệ Công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thuộc chương trình lớp 11: + Hình cắt – mặt cắt + Hình chiếu trục đo. + Hình chiếu phối cảnh. + Cơ cấu phân phối khí. + Cơ cấu trục khuỷu thanh truyền. + Các hệ thống: khởi động, làm mát, bôi trơn. + Hệ thống truyền lực trên ô tô: hộp số, li hợp. - Nội dung thuộc chương trình lớp 12: + Linh kiện điện tử: điện trở, tụ điện, tranzito, điốt + Mạch chỉnh lưu, mạch tạo xung đa hài. <p>2. Công nghệ Nông nghiệp: Nội dung trong chương trình lớp 10 THPT</p>
15. Mỹ thuật	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thường thức mỹ thuật : Sơ lược mỹ thuật Thời Lê (từ TK XV đến TK XVIII) 2. Thường thức mỹ thuật - Một số công trình tiêu biểu của mỹ thuật thời Lê 3. Thường thức mỹ thuật: Sơ lược Mỹ thuật Thời Nguyễn (1802-1945) 4. Thường thức mỹ thuật - Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam 5. Vẽ theo mẫu: Tĩnh vật (vẽ màu) 6. Vẽ trang trí: Trình bày bìa sách (vẽ phác thảo) 7. Vẽ trang trí: Trang trí hội trường. 8. Vẽ tranh: Đề tài phong cảnh Quê hương 9. Vẽ tranh: Đề tài lễ hội. 	
16. Âm nhạc	<ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Lí thuyết âm nhạc.</i> - Hợp âm, các thể đảo của hợp âm. - Các kí hiệu thường gặp trong bản nhạc. - Dịch giọng. - Giọng song song, giọng cùng tên, giọng 	

	<p>thứ hòa thanh.</p> <p>2. <i>Âm nhạc thường thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số kiến thức cơ bản về dân ca dân tộc ít người. - Âm nhạc thiếu nhi Việt Nam. <p>3. <i>Nội dung thực hành</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn luyện và thực hành các bài hát và các bài tập đọc nhạc. 	
17. Nghề PT		<ol style="list-style-type: none"> 1. Mối quan hệ giữa các nhóm sở thích nghề và khả năng học nghề phổ thông của học sinh. 2. Khái quát về giáo dục Nghề phổ thông 3. Hình thành và rèn luyện các kĩ năng thiết yếu qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông cho học sinh. 4. Phát triển sở thích và khả năng nghề nghiệp cho HS trong quá trình học nghề phổ thông. 5. Tìm hiểu thông tin nghề và trải nghiệm thực tế nghề phổ thông với thực tiễn. 6. Đánh giá sự phù hợp của bản thân với nghề phổ thông của học sinh
18. Giáo dục hướng nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về giáo dục hướng nghiệp. - Năng lực hướng nghiệp của HS trung học. - Nội dung và phương pháp giáo dục nghề phổ thông qua giáo dục hướng nghiệp
19. Hoạt động GDNGLL		Chương trình lớp 11,12
20. Cán bộ quản lí	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập, vận hành bộ máy và cơ chế hoạt động của nhà trường. - Phát triển đội ngũ. - Tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục của nhà trường. - Những vấn đề cơ bản của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đối với giáo dục trung học 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập, vận hành bộ máy và cơ chế hoạt động của nhà trường. - Phát triển đội ngũ. - Tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục của nhà trường. - Những vấn đề cơ bản của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đối với giáo dục trung học

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÒA BÌNH